

Vĩnh phúc, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện 74 Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua trang thiết bị y tế, hoá chất, vật tư phục vụ công tác khám, chữa bệnh trong 3 tháng năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 74 Trung ương, phường Hùng vương, TP Phúc yên, tỉnh Vĩnh phúc.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Ông Bùi Văn Tới

- Chức vụ: Phụ trách công tác Phòng Vật tư thiết bị y tế

- Điện thoại: 0973.587.368

- Email: benhvien74tw@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bệnh viện 74 Trung ương tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện 74 Trung ương, phường Hùng vương, TP Phúc yên, tỉnh Vĩnh phúc.

- Nhận qua email: benhvien74tw@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 20 tháng 01 năm 2024 đến trước 17h ngày 29 tháng 01 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế, hoá chất, vật tư:

(Phụ lục I kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:

- Vận chuyển và bảo quản: Theo quy định của nhà sản xuất và quy định hiện hành của pháp luật.

- Địa điểm cung cấp: Tại kho Phòng Vật tư thiết bị y tế trực thuộc Bệnh viện 74 Trung ương.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng bằng văn bản, điện thoại, fax hoặc Email của Chủ đầu tư.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt, khi chủ đầu tư nhận đủ chứng từ thanh toán (hoá đơn, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành...).

5. Các thông tin khác (nếu có).

Mẫu báo giá: (Phụ lục II kèm theo)

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu: VT, VTTBYT.

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc

Trần Thành Trung

PHỤ LỤC I:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Amikacin 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
2	Amoxicillin/ clavulanic acid 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
3	Ampicillin /Sulbactam 20µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
4	Ampicillin 10µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
5	Aztreonam 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
6	Bacitracin 10 units	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT

7	Cefepime 30 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
8	Cefotaxime 30 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
9	Ceftazidime 30 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
10	Ceftriaxone 30 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
11	Chloramphenicol 30 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
12	Ciprofloxacin 5 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
13	Clarithromycin 15 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT

14	Clindamycin 2 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
15	Erythromycin 15 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
16	Gentamycin 10mcrg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
17	Imipenem 10 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
18	Levofloxacin 5 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
19	Linezolid 30 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
20	Meropenem 10 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT

21	Moxifloxacin 5 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tâm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
22	Optochin	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tâm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
23	Oxidase	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tâm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp. lượng kháng sinh chính xác	250	Khoanh	TTBYT
24	Piperacillin 100mcrg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tâm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
25	Piperacillin 100mcrg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tâm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
26	Piperacillin/Tazobactam 110 μ g	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tâm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách \leq 250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT

27	Sulfamethoxazole/ trimethoprim 25µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
28	Tetracycline 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
29	Ticarcillin 75µg/Clavulanic Acid 10µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách ≤250 khoan/hộp.	250	Khoanh	TTBYT
30	Yếu tố V	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy yếu tố V để phân biệt Haemophilus spp. Đạt tiêu chuẩn ISO	250	Khoanh	TTBYT
31	Yếu tố X	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy yếu tố X để phân biệt Haemophilus spp. Đạt tiêu chuẩn ISO	250	Khoanh	TTBYT
32	Yếu tố XV	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy chứa yếu tố X+V để phân biệt Haemophilus spp. Đạt tiêu chuẩn ISO	250	Khoanh	TTBYT
33	ETEST Vancomycin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Vancomycin nồng độ ≤0,016 đến ≥256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	30	Thanh	TTBYT
34	ETEST Colistin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Colistin nồng độ ≤0,016 đến ≥256 µg/ml	30	Thanh	TTBYT
35	ETEST Amoxicillin/ clavulanic acid (2/1)	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Amoxicillin/clavulanic nồng độ ≤0,016 đến ≥256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	30	Thanh	TTBYT
36	ETEST Cefotaxime	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Cefotaxime nồng độ ≤0,016 đến ≥32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	30	Thanh	TTBYT
37	ETEST Ceftriaxone	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ceftriaxone nồng độ ≤0,016 đến ≥256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	30	Thanh	TTBYT

38	Etest Meropenem MP 0.002 - 32 µg/mL	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Meropenem nồng độ ≤0,016 đến ≥32 µg/ml	30	Thanh	TTBYT
39	ETEST Ampicillin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ampicillin nồng độ ≤0,016 đến ≥256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	30	Thanh	TTBYT
40	ETEST Benzylpenicillin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Benzylpenicillin nồng độ ≤0,016 đến ≥256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	30	Thanh	TTBYT
41	Maconkey	Môi trường chọn lọc để kiểm tra vi khuẩn trong mẫu bệnh phẩm và thực phẩm. Thành phần tối thiểu có: Peptone mixture, Lactose, Sodium chloride, Sodium desoxycholate, Crystal violet, Neutral red, Agar. Đạt tiêu chuẩn ISO	30	Gram	TTBYT
42	Test nhanh chẩn đoán cúm A/B	- Sản phẩm có chứng dương, chứng âm để kiểm chuẩn - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu - Độ nhạy: ≥85.5% - Độ đặc hiệu tương quan: ≥93.5%	300	Cái	TTBYT
43	Test chẩn đoán nhanh sốt xuất huyết IGG/IGM	- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy Dengue Ag: 100% ; Độ đặc hiệu Dengue Ag: ≥99,5% - Độ nhạy Dengue IgG: ≥97% ; Độ đặc hiệu Dengue IgG: ≥99% - Độ nhạy Dengue IgM: ≥96,5% ; Độ đặc hiệu Dengue IgM: ≥98,5%	300	Cái	TTBYT
44	Test nhanh chẩn đoán virus Rota	- Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: ≥97% - Thành phần Test thử: Cộng hợp vàng kháng thể kháng virus Rota, kháng thể IgY gà	200	Cái	TTBYT
45	Test thử HbSAG	Kit thử dùng để phát hiện sự có mặt của kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương của người Mẫu phẩm: huyết thanh, huyết tương Qui cách: ≤50 test/hộp	2000	Cái	TTBYT

PHỤ LỤC II:

(Kèm theo văn bản số: /BV74TW-VTTBYT ngày tháng năm 2023)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế, hoá chất, vật tư (2)	Tên theo quy định của nhà sản xuất	Quy cách theo quy định của nhà sản xuất	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3)	Mã HS(4)	Năm sản xuất(5)	Xuất xứ(6)	Số lượng/ khối lượng(7)	Đơn giá(8) (VND)	Thuế, phí, lệ phí, chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) (9) (VND)	Thành tiền(10) (VND)	Mã kê khai giá
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 11.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điện các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.